



jì yú
鲫鱼

noun · crucian carp

Example Sentences

chí táng lǐ yǒu hěn duō jì yú
池塘里有很多鲫鱼。

There are many crucian carp in the pond.

jì yú shì yī zhǒng cháng jiàn de dàn shuǐ yú
鲫鱼是一种常见的淡水鱼。

Crucian carp is a common freshwater fish.

yú mǐn zài hé lǐ bǔ huò le yī tiáo dà jì yú
渔民在河里捕获了一条大鲫鱼。

The fisherman caught a large crucian carp in the river.

Trace each character, then write the word on your own.

鲫	鲫	鲫	鲫	鲫	鲫	鲫	鲫	鲫	鲫	鲫
鱼	鱼	鱼	鱼	鱼	鱼	鱼	鱼	鱼	鱼	鱼